TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 148/2018/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 7 - 2018
"*Về việc ly hôn và nuôi con*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính
Các vị Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hợp
Ông Lê Quốc Thới

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Thanh Vũ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 18 tháng 7 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩn công khai vụ án thụ lý số 278/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2018. Về việc "Ly hôn và nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 207/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Võ Thành T, sinh năm 1983 (Vắng mặt)
Cư trú: Số 3/85A, khóm 6, phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Chị Lê Thị Ng, sinh năm 1978 (Có mặt)
Cư trú: ấp Láng Tượng, xã Tân Hưng Đông, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 30/5/2018 và tại phiên tòa anh Võ Thành T (nguyên đơn) trình bày như sau:

Về hôn nhân: Anh T và chị Ng kết hôn vào năm 2005, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc tháng 10 năm 2008 thì phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân mâu thuẩn là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường hay cự cải, từ đó vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 10 năm 2008 đến nay. Nay anh T xét

thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên anh T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị Ng.

Về con chung: Anh T và chị Ng thống nhất có với nhau được 01 con chung tên Võ Thanh Nh, sinh ngày 10 tháng 6 năm 2006, hiện nay đang sống với chị Ng. Sau khi ly hôn anh T và chị Ng thỏa thuận con theo ai người đó nuôi, người không trực tiếp nuôi con không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Theo chị Lê Thị Ng (bị đơn) trình bày:*

Về hôn nhân: Chị Ng thống nhất lời trình bày của anh T về thời gian kết hôn, không có đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẩn và thời gian sống ly thân, nay anh T yêu cầu ly hôn thì chị Ng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Võ Thanh Nh, sinh ngày 10 tháng 6 năm 2006, hiện nay đang sống với chị Ng. Chị Ng yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn chị Lê Thị Ng có nơi cư trú trên địa bàn huyện C, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Xét đơn của anh Võ Thành T khởi kiện xin ly hôn với chị Lê Thị Ng nên xác định quan hệ tranh chấp "Xin ly hôn và nuôi con" là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Thành T và chị Lê Thị Ng xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2005 không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh T và chị Ng không được pháp luật thừa nhận theo quy định tại khoản 1 điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/QH-NQ 10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ của anh T và chị Ng là vợ chồng.

[3] Về nuôi con: Anh T và chị Ng thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên là Võ Thanh Nh, sinh ngày 10 tháng 6 năm 2006, hiện nay đang sống với chị Ng. Sau khi ly anh T và chị Ng thỏa thuận con theo ai người đó nuôi, người không trực tiếp nuôi con không phải cấp dương nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, sự thỏa thuận của anh T và chị Ng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của cháu Võ Thanh Nh thể hiện tại Biên bản lấy lời khai ngày 19/6/2018 là được sống với chị Ng nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của anh T và chị Ng về việc nuôi con. Tiếp tục giao cháu Võ Thanh Nh cho chị Ng chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T không cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Anh T và chị Ng trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không xem xét.

[5] Về nợ trả và nợ trả: Anh T và chị Ng trình bày vợ chồng không có không nợ thu và cũng không nợ trả nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 243, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 09, 51 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/QH-NQ 10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 27/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

<u>Tuyên xử</u>:

- Về hôn nhân: Không công nhận anh Võ Thành T và chị Lê Thị Ng là vợ chồng.

- Về con: Chị Lê Thị Ng tiếp tục nuôi cháu Võ Thanh Nh, sinh ngày 10 tháng 6 năm 2006. Anh Võ Thành T không cấp dưỡng nuôi con.

Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Võ Thành T phải chịu án phí số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), anh T có dự nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004481 ngày 30/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C được chuyển thu.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai chị Ng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh T được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi gửi:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- CC THA huyện C;
- Đương sự;
- UBND xã Tân Hưng Đông;
- Lưu HS-VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Minh Tính